BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2012/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2012*

THÔNG TƯ
Ban hành Mẫu tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 về đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27/12/2010 về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính ban hành mẫu tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các phụ lục kèm theo như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Mẫu tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

a) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (mẫu HQ/2012-XK);

b) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (mẫu HQ/2012-NK);

2. Mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

a) Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu (mẫu HQ/2012-PLXK);

b) Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu (mẫu HQ/2012-PLNK);

3. Mẫu tờ khai sửa đổi, bổ sung (mẫu HQ/2012-TKSĐBS) dùng chung cho cả xuất khẩu, nhập khẩu;

4. Phiếu ghi kết quả kiểm tra (mẫu HQ/2012-PGKQKT) dùng chung cho cả tờ khai hàng hóa xuất khẩu và tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

5. Các mẫu biểu quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này được in mực đen, trên giấy trắng khổ A4; người sử dụng có thể tự in trên hệ thống thông tin khai hải quan, từ trang website của cơ quan Hải quan.

Điều 2. Việc khai hải quan và cách ghi trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu, tờ khai hàng hóa xuất khẩu, phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu và phiếu ghi kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan được hướng dẫn tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

1. Phụ lục I: Hướng dẫn cách ghi các tiêu thức trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

2. Phụ lục II: Hướng dẫn cách ghi các tiêu thức trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu;

3. Phụ lục III: Hướng dẫn cách ghi các tiêu thức trên phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu ;

4. Phụ lục IV: Hướng dẫn cách ghi các tiêu thức trên phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu;

5. Phụ lục V: Hướng dẫn cách ghi các tiêu thức trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra dùng cho công chức hải quan;

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2012**,** thay thế Quyết định số 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001 của Tổng cục Hải quan.

2. Mẫu dấu nghiệp vụ hải quan đóng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hồ sơ hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

HẢI QUAN VIỆT NAM **TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU**
Cục Hải quan:

HQ/2012-XK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất:**	**Số tham chiếu:** **Ngày, giờ gửi:**	**Số tờ khai:** **Ngày, giờ đăng ký:** **Số lượng phụ lục tờ khai:**	**Công chức đăng ký tờ khai**

1. Người xuất khẩu: MST	5. Loại hình:	
	6. Giấy phép số: Ngày Ngày hết hạn	7. Hợp đồng: Ngày Ngày hết hạn
2. Người nhập khẩu:	8. Hóa đơn thương mại:	9. Cửa khẩu xuất hàng:
3. Người ủy thác/ người được ủy quyền MST	10. Nước nhập khẩu:	
4. Đại lý hải quan MST	11. Điều kiện giao hàng:	12. Phương thức thanh toán:
	13. Đồng tiền thanh toán:	14. Tỷ giá tính thuế:

Số TT	15. Mô tả hàng hóa	16. Mã số hàng hóa	17. Xuất xứ	18. Lượng hàng	19. Đơn vị tính	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ
1 2 3							
						Cộng:	

Số TT	22. Thuế xuất khẩu			23. Thu khác		
	a. Trị giá tính thuế	b. Thuế suất (%)	c. Tiền thuế	a. Trị giá tính thu khác	b. Tỷ lệ (%)	c. Số tiền
1 2 3						
		Cộng:			**Cộng:**	

24. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22 + 23) bằng số:
Bằng chữ

25. Lượng hàng, số hiệu container

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container	d. Địa điểm đóng hàng
1 2 3 4			**Cộng:**	

26. Chứng từ đi kèm	27. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

28. Kết quả phân luồng và hướng dẫn thủ tục hải quan 29. Ghi chép khác	30. Xác nhận thông quan	31. Xác nhận của hải quan giám sát

HẢI QUAN VIỆT NAM **PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU**

HQ/2012-PLXK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất:**	**Phụ lục số:** **Ngày, giờ đăng ký:**	**Số tờ khai:** **Loại hình:**

Số TT	15. Mô tả hàng hóa	16. Mã số hàng hóa	17. Xuất xứ	18. Lượng hàng	19. Đơn vị tính	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
						Cộng:	

Số TT	22. Thuế xuất khẩu			23. Thu khác		
	Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thu khác	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
		Cộng:			**Cộng:**	

25. Lượng hàng, số hiệu container

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Nới đóng hàng vào container	d. Địa điểm đóng hàng
1				
2				
3				
4				
			Cộng:	

27. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai

Ngày tháng năm

(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HẢI QUAN VIỆT NAM **TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Cục Hải quan:

HQ/2012-NK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:**	**Số tham chiếu:** **Ngày, giờ gửi:**	**Số tờ khai:** **Ngày, giờ đăng ký:** **Số lượng phụ lục tờ khai:**	**Công chức đăng ký tờ khai**
1. Người xuất khẩu:	5. Loại hình:		
2. Người nhập khẩu:	6. Hóa đơn thương mại:	7. Giấy phép số: Ngày Ngày hết hạn	8. Hợp đồng: Ngày Ngày hết hạn
MST	9. Vận đơn (số/ngày):	10. Cảng xếp hàng:	11 Cảng dỡ hàng:
3. Người ủy thác/người được ủy quyền:			
MST	12. Phương tiện vận tải: Tên, số hiệu: Ngày đến		13. Nước xuất khẩu:
4. Đại lý Hải quan:	14. Điều kiện giao hàng:		15. Phương thức thanh toán:
MST	16. Đồng tiền thanh toán:		17. Tỷ giá tính thuế:

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								

Loại thuế	Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu			
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT			

30. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+28+29):
Bằng chữ:

31. Lượng hàng, số hiệu container

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container
1 2			**Cộng:**

32. Chứng từ đi kèm	33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm *(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

34. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục hải quan 35. Ghi chép khác:	36. Xác nhận của hải quan giám sát	37. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu	38. Xác nhận thông quan

HẢI QUAN VIỆT NAM **PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU** HQ/2012-PLNK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:**				**Phụ lục số:** **Ngày, giờ đăng ký:**			**Số tờ khai:** **Loại hình:**	
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế				Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
						Cộng:		
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
2								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế				Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
						Cộng:		
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
3								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế		
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
					Cộng:			

31. Lượng hàng, số hiệu container:

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container
1 2 3 4			**Cộng:**

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
Ngày tháng năm
(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HẢI QUAN VIỆT NAM HQ/2012-TKSĐBS

TỜ KHAI HẢI QUAN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Chi cục Hải quan mở tờ khai: **3. Người xuất khẩu, nhập khẩu** **MST**		
5. Số tờ khai **Loại hình** **Ngày mở tờ khai**		**6. Số điều chỉnh**
7. Các nội dung sửa đổi bổ sung		
STT	Nội dung đã khai	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm *(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*		Ngày tháng năm Xác nhận của công chức hải quan *(Ký tên, đóng dấu công chức)*

HẢI QUAN VIỆT NAM **PHIẾU GHI KẾT QUẢ KIỂM TRA** HQ/2012-PGKQKT

(Dùng cho công chức hải quan)

Chi cục Hải quan:	**Số tờ khai:**	**Ngày, giờ đăng ký:**
Chi cục Hải quan cửa khẩu:		
Hình thức, mức độ kiểm tra hải quan: ☐ **Kiểm tra chi tiết** ☐ **Kiểm tra qua máy soi** ☐ **Kiểm tra thủ công**		

I. KIỂM TRA CHI TIẾT HỒ SƠ

1. Thời gian kiểm tra: Từ giờ, ngày đến giờ, ngày	**2. Công chức kiểm tra (ký tên, đóng dấu công chức)**
3. Kết quả kiểm tra:	
4. Đề xuất kết quả xử lý kiểm tra	
5. Ý kiến Lãnh đạo Chi cục **(Ký tên, đóng dấu công chức)**	

II. KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA

A. Kiểm tra qua máy soi/cân/thiết bị khác	**B. Kiểm tra thủ công**
1. Thời gian kiểm tra: **Từ giờ, ngày đến giờ, ngày**	**1. Thời gian kiểm tra:** **Từ giờ, ngày đến giờ, ngày**
2. Kết quả kiểm tra:	**2. Kết quả kiểm tra:**
3. Đề xuất kết quả xử lý kiểm tra	**3. Đề xuất kết quả xử lý kiểm tra**
4. Công chức kiểm tra (ký tên, đóng dấu công chức)	**4. Công chức kiểm tra (ký tên, đóng dấu công chức)**
5. Ý kiến Lãnh đạo Chi cục **(Ký tên, đóng dấu công chức)**	**5. Ý kiến Lãnh đạo Chi cục** **(Ký tên, đóng dấu công chức)**

Đại diện người khai hải quan
(ký, ghi rõ họ tên)

BỘ TÀI CHÍNH **Phụ lục I**

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC TIÊU THỨC TRÊN TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2012)

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái tờ khai	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập khẩu.
Phần giữa tờ khai	* Số tham chiếu, ngày giờ gửi: là số do hệ thống cấp tự động cho tờ khai khi người khai hải quan gửi dữ liệu khai hải quan điện tử đến hệ thống để đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu. * Số tờ khai, ngày giờ đăng ký: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình nhập khẩu tại từng Chi cục Hải quan do hệ thống tự động ghi. Trường hợp phải ghi bằng thủ công thì công chức Hải quan ghi đầy đủ cả số tờ khai, ký hiệu loại hình nhập khẩu, ký hiệu Chi cục Hải quan đăng ký theo trật tự: Số tờ khai/NK/loại hình/đơn vị đăng ký tờ khai và số lượng phụ lục tờ khai. Sau đó, công chức đăng ký tờ khai hải quan ký, đóng dấu công chức. * Số lượng phụ lục tờ khai: là số các phụ lục tờ khai (trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên)
Góc trên bên phải tờ khai	- Thủ công: Công chức hải quan tiếp nhận đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu ký tên, đóng dấu công chức. - Điện tử: tự động ghi tên hoặc số hiệu của công chức tiếp nhận.
A. Phần dành cho người khai hải quan kê khai và tính thuế	
Ô số 1	Người xuất khẩu: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số (nếu có) của người bán hàng ở nước ngoài bán hàng cho thương nhân Việt Nam (thể hiện trên hợp đồng mua bán hàng hóa).
Ô số 2	Người nhập khẩu: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của thương nhân nhập khẩu.
Ô số 3	Người ủy thác/người được ủy quyền: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của thương nhân ủy thác cho người nhập khẩu hoặc tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của người được ủy quyền khai hải quan.
Ô số 4	Đại lý Hải quan: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của Đại lý hải quan; số, ngày hợp đồng đại lý hải quan.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 5	Loại hình: Người khai hải quan chọn mã loại hình trong hệ thống phù hợp. * Trường hợp khai thủ công người khai hải quan ghi rõ loại hình nhập khẩu tương ứng.
Ô số 6	Hóa đơn thương mại: Người khai hải quan ghi số, ngày, tháng, năm của hóa đơn thương mại.
Ô số 7	Giấy phép/ngày/ngày hết hạn: Người khai hải quan ghi số, ngày, tháng, năm giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và ngày, tháng, năm hết hạn của giấy phép.
Ô số 8	Hợp đồng/ngày/ngày hết hạn: Người khai hải quan ghi số ngày, tháng, năm ký hợp đồng và ngày, tháng, năm hết hạn (nếu có) của hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.
Ô số 9	Vận đơn: Người khai hải quan ghi số, ngày, tháng, năm của vận đơn hoặc chứng từ vận tải có giá trị do người vận tải cấp thay thế vận đơn.
Ô số 10	Cảng xếp hàng: Người khai hải quan ghi tên cảng, địa điểm (được thỏa thuận trong hợp đồng thương mại hoặc ghi trên vận đơn) nơi từ đó hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để chuyển đến Việt Nam.
Ô số 11	Cảng dỡ hàng: Người khai hải quan ghi tên cảng/cửa khẩu nơi hàng hóa được dỡ từ phương tiện vận tải xuống (được ghi trên vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác). Trường hợp cảng/cửa khẩu dỡ hàng khác với địa điểm hàng hóa được giao cho người khai hải quan thì ghi cảng dỡ hàng/ địa điểm giao hàng. Ví dụ: Hàng nhập khẩu được dỡ tại cảng Hải Phòng và giao hàng cho người nhận hàng tại ICD Gia Thụy, người khai ghi Hải Phòng/Gia Thụy
Ô số 12	Phương tiện vận tải: Người khai hải quan ghi tên tàu biển, số chuyến bay, số chuyến tàu hỏa, số hiệu và ngày đến của phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam theo các loại hình vận chuyển đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường bộ.
Ô số 13	Nước xuất khẩu: Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi mà từ đó hàng hóa được chuyển đến Việt Nam (nơi hàng hóa được xuất bán cuối cùng đến Việt Nam). Áp dụng mã nước cấp ISO 3166. (không ghi tên nước, vùng lãnh thổ mà hàng hóa trung chuyển qua đó).

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 14	Điều kiện giao hàng: Người khai hải quan ghi rõ điều kiện giao hàng mà hai bên mua và bán thỏa thuận trong hợp đồng thương mại.
Ô số 15	Phương thức thanh toán: Người khai hải quan ghi rõ phương thức thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng thương mại (ví dụ: L/C, DA, DP, TTR hoặc hàng đổi hàng …).
Ô số 16	Đồng tiền thanh toán: Người khai hải quan ghi mã của loại tiền tệ dùng để thanh toán (nguyên tệ) được thỏa thuận trong hợp đồng thương mại. Áp dụng mã tiền tệ phù hợp với ISO 4217 (ví dụ: đồng dollar Mỹ là USD).
Ô số 17	Tỷ giá tính thuế: Người khai hải quan ghi tỷ giá giữa đơn vị nguyên tệ với tiền Việt Nam áp dụng để tính thuế (theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan) bằng đồng Việt Nam.
Ô số 18	Mô tả hàng hóa: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hóa theo hợp đồng thương mại hoặc các chứng từ khác liên quan đến lô hàng. * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau: - Trên tờ khai hải quan ghi: "theo phụ lục tờ khai". - Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ tên, quy cách phẩm chất từng mặt hàng. * Đối với lô hàng được áp vào 1 mã số nhưng trong lô hàng có nhiều chi tiết, nhiều mặt hàng (ví dụ: thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ) thì doanh nghiệp ghi tên gọi chung của lô hàng trên tờ khai, được phép lập bản kê chi tiết (không phải khai vào phụ lục).
Ô số 19	Mã số hàng hóa: Người khai hải quan ghi mã số phân loại theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành. * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau: - Trên tờ khai hải quan: không ghi gì. - Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ mã số từng mặt hàng.
Ô số 20	Xuất xứ: Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) ra (căn cứ vào giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng). Áp dụng mã nước quy định trong ISO 3166. * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.
Ô số 21	Chế độ ưu đãi: Ghi tên mẫu C/O được cấp cho lô hàng thuộc các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 22	Lượng hàng: Người khai hải quan ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 23. * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.
Ô số 23	Đơn vị tính: Người khai hải quan ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng (ví dụ: mét, kg…) theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành. * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.
Ô số 24	Đơn giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi giá của một đơn vị hàng hóa (theo đơn vị ở ô số 23) bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 16, căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thương mại, hóa đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng. Hợp đồng thương mại theo phương thức trả tiền chậm và giá mua, giá bán ghi trên hợp đồng gồm cả lãi suất phải trả thì đơn giá được xác định bằng giá mua, giá bán trừ (-) lãi suất phải trả theo hợp đồng thương mại. * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 20.
Ô số 25	Trị giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng nhập khẩu, là kết quả của phép nhân (x) giữa "Lượng hàng (ô số 22) và "Đơn giá nguyên tệ (ô số 24)". * Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau: - Trên tờ khai hải quan: ghi tổng trị giá nguyên tệ của các mặt hàng khai báo trên phụ lục tờ khai. - Trên phụ lục tờ khai: Ghi trị giá nguyên tệ cho từng mặt hàng.
Ô số 26	Thuế nhập khẩu, người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đồng Việt Nam. b. Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 19 theo Biểu thuế áp dụng (Biểu thuế ưu đãi, Biểu thuế ưu đãi đặc biệt…) có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai c. Ghi số thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng. * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau: - Trên tờ khai hải quan ghi tổng số thuế nhập khẩu phải nộp tại ô "tiền thuế" tương ứng. - Trên phụ lục tờ khai ghi rõ trị giá tính thuế, thuế suất, số thuế nhập khẩu phải nộp cho từng mặt hàng 2

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 27	Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế của thuế TTĐB là tổng của trị giá tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế TTĐB tương ứng với mã số hàng hóa được xác định mã số hàng hóa tại ô số 19 theo Biểu thuế TTĐB. c. Tiền thuế: Ghi số thuế TTĐB phải nộp của từng mặt hàng * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.
Ô số 28	Thuế bảo vệ môi trường (BVMT), người khai hải quan ghi: a. Số lượng chịu thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu là số lượng hàng hóa theo đơn vị quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường. b. Mức thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường. c. Tiền thuế: Ghi số tiền thuế BVMT phải nộp của từng mặt hàng. * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.
Ô số 29	Thuế giá trị gia tăng (GTGT), người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế của thuế GTGT là giá thuế nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có) cộng với thuế TTĐB (nếu có) cộng thuế BVMT (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu. b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế GTGT tương ứng với mã số hàng hóa được xác định mã số hàng hóa tại ô số 19 theo Biểu thuế GTGT. c. Tiền thuế: Ghi số tiền thuế GTGT phải nộp của từng mặt hàng * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô 26.
Ô số 30	Tổng số tiền thuế (ô 26 + 27 + 28 + 29), người khai hải quan ghi: tổng số tiền thuế nhập khẩu, TTĐB, BVMT và GTGT; bằng chữ.
Ô số 31	Lượng hàng, số hiệu container: Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng container ghi như sau: - Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container; - Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container; - Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container tương ứng và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng; * Trường hợp có từ 4 container trở lên thì người ghi cụ thể thông tin trên phụ lục tờ khai hải quan không ghi trên tờ khai.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 32	Chứng từ đi kèm: Người khai hải quan liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
Ô số 33	Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.
B. Phần dành cho cơ quan Hải quan	
Ô số 34	- Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan: Được hệ thống tự động đưa ra khi công chức tiếp nhận, đăng ký tờ khai cập nhật đầy đủ các thông tin về lô hàng vào hệ thống. - Trường hợp thủ tục hải quan được thực hiện thủ công thì công chức tiếp nhận ghi lại kết quả từ hệ thống lên tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
Ô số 35	Ghi chép khác: Dành cho công chức hải quan ở các khâu nghiệp vụ ghi chép những nội dung cần thiết mà không ghi ở nơi khác được như số biên bản, số quyết định xử phạt, xử lý ….
Ô số 36	Xác nhận của hải quan giám sát: Phần ghi chép của công chức hải quan giám sát hàng hóa nhập khẩu.
Ô số 37	Xác nhận giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu: Công chức Hải quan ghi tóm tắt nội dung quyết định của cơ quan Hải quan về việc giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản hay hàng chuyển cửa khẩu.
Ô số 38	Xác nhận đã thông quan: Công chức được phân công xác nhận trên hệ thống/trên tờ khai do doanh nghiệp in.

BỘ TÀI CHÍNH **Phụ lục II**

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC TIÊU THỨC TRÊN TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2012)

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái TK	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất khẩu;
Phần giữa tờ khai	* Số tham chiếu, ngày giờ gửi: là số do hệ thống cấp tự động cho tờ khai khi người khai hải quan gửi dữ liệu khai hải quan điện tử đến hệ thống để đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu. * Số tờ khai, ngày giờ đăng đăng ký: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình xuất khẩu tại từng Chi cục Hải quan do hệ thống tự động ghi. Trường hợp phải ghi bằng thủ công thì công chức Hải quan ghi đầy đủ cả số tờ khai, ký hiệu loại hình xuất khẩu, ký hiệu Chi cục Hải quan đăng ký theo trật tự: Số tờ khai/XK/loại hình/đơn vị đăng ký tờ khai, số lượng phụ lục tờ khai và ký tên đóng dấu công chức.
Góc trên bên phải tờ khai	- Thủ công: Công chức hải quan tiếp nhận đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu ký tên, đóng dấu công chức. - Điện tử: tự động ghi tên hoặc số hiệu của công chức tiếp nhận.
A. Phần dành cho người khai hải quan kê khai và tính thuế	
Ô số 1	Người xuất khẩu: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của thương nhân Việt Nam bán hàng cho người mua hàng ở nước ngoài (thể hiện trên hợp đồng mua bán hàng hóa).
Ô số 2	Người nhập khẩu: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số (nếu có) của thương nhân nhập khẩu.
Ô số 3	Người ủy thác/ người được ủy quyền: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của thương nhân ủy thác cho người xuất khẩu hoặc tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của người được ủy quyền khai hải quan.
Ô số 4	Đại lý hải quan: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của Đại lý hải quan; Số, ngày hợp đồng đại lý hải quan.
Ô số 5	Loại hình: Người khai hải quan chọn mã loại hình trong hệ thống phù hợp. * Trường hop khai thủ công người khai hải quan ghi rõ loại hình xuất khẩu tương ứng.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 6	Giấy phép/ngày/ngày hết hạn: Người khai hải quan ghi số, ngày, tháng, năm của giấy phép của các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu và ngày, tháng, năm hết hạn của giấy phép.
Ô số 7	Hợp đồng/ngày/ngày hết hạn: Người khai hải quan ghi số ngày, tháng, năm ký hợp đồng và ngày, tháng, năm hết hạn (nếu có) của hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.
Ô số 8	Hóa đơn thương mại: Người khai hải quan ghi số, ngày, tháng, năm của hóa đơn thương mại.
Ô số 9	Cửa khẩu xuất hàng: Ghi tên cảng, địa điểm (được thỏa thuận trong hợp đồng thương mại) nơi từ đó hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu.
Ô số 10	Nước nhập khẩu: Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ đến cuối cùng được xác định tại thời điểm hàng hóa xuất khẩu, không tính nước, vùng lãnh thổ mà hàng hóa đó quá cảnh. Áp dụng mã nước, vùng lãnh thổ cấp ISO 3166.
Ô số 11	Điều kiện giao hàng: Người khai hải quan ghi rõ điều kiện giao hàng mà hai bên mua và bán thỏa thuận trong hợp đồng thương mại
Ô số 12	Phương thức thanh toán: Người khai hải quan ghi rõ phương thức thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng thương mại (ví dụ: L/C, DA, DP, TTR hoặc hàng đổi hàng …).
Ô số 13	Đồng tiền thanh toán: Người khai hải quan ghi mã của loại tiền tệ dùng để thanh toán (nguyên tệ) được thỏa thuận trong hợp đồng thương mại. Áp dụng mã tiền tệ phù hợp với ISO 4217 (ví dụ: đồng dollar Mỹ là USD).
Ô số 14	Tỷ giá tính thuế: Người khai hải quan ghi tỷ giá giữa đơn vị nguyên tệ với tiền Việt Nam áp dụng để tính thuế (theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan) bằng đồng Việt Nam.
Ô số 15	Mô tả hàng hóa: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hóa theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng. * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau: - Trên tờ khai hải quan ghi: “theo phụ lục tờ khai”. - Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ tên, quy cách phẩm chất từng mặt hàng. * Đối với lô hàng được áp vào một mã số nhưng trong lô hàng có nhiều chi tiết, nhiều mặt hàng (ví dụ: thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ) thì doanh nghiệp ghi tên gọi chung của lô hàng trên tờ khai, được phép lập bản kê chi tiết (không phải khai vào phụ lục).

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 16	Mã số hàng hóa: Người khai hải quan ghi mã số phân loại theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành. * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau: - Trên tờ khai hải quan: không ghi gì. - Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ mã số từng mặt hàng.
Ô số 17	Xuất xứ: Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) ra (căn cứ vào giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng). Áp dụng mã nước quy định trong ISO. * Trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.
Ô số 18	Lượng hàng: Người khai hải quan ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 19. * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.
Ô số 19	Đơn vị tính: Người khai hải quan ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng (ví dụ: mét, kg…) theo quy định của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành. * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.
Ô số 20	Đơn giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi giá của một đơn vị hàng hóa bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 13, căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thương mại, hóa đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng. * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.
Ô số 21	Trị giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng xuất khẩu, là kết quả của phép nhân (X) giữa "Lượng hàng (ô số 18) và "Đơn giá (ô số 20)". * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau: - Trên tờ khai hải quan: ghi tổng trị giá nguyên tệ của các mặt hàng khai báo trên phụ lục tờ khai. - Trên phụ lục tờ khai: Ghi trị giá nguyên tệ cho từng mặt hàng.
Ô số 22	Thuế xuất khẩu, người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đơn vị tiền Việt Nam. b. Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 16 theo Biểu thuế xuất khẩu.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
	c. Ghi số thuế xuất khẩu phải nộp của từng mặt hàng. * Trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau: - Trên tờ khai hải quan ghi tổng số thuế xuất khẩu phải nộp tại ô "cộng" - Trên phụ lục tờ khai ghi rõ trị giá tính thuế, thuế suất, số thuế xuất khẩu phải nộp cho từng mặt hàng.
Ô số 23	Thu khác, người khai hải quan ghi : - Trị giá tính thu khác: Ghi số tiền phải tính thu khác. - Tỷ lệ %: Ghi tỷ lệ các khoản thu khác theo quy định - Số tiền: Ghi số tiền phải nộp * Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 22.
Ô số 24	Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22 + 23), người khai hải quan ghi: tổng số tiền thuế xuất khẩu, thu khác, bằng số và bằng chữ.
Ô số 25	Lượng hàng, số hiệu container: Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa xuất khẩu bằng container ghi như sau: - Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container; - Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container; - Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng; - Địa điểm đóng hàng: Ghi nơi đóng hàng hóa xuất khẩu vào container; * Trường hợp có từ 4 container trở lên thì người ghi cụ thể thông tin trên phụ lục tờ khai hải quan không ghi trên tờ khai.
Ô số 26	Chứng từ đi kèm: Người khai hải quan liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hóa xuất khẩu.
Ô số 27	Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.
B. Phần dành cho cơ quan Hải quan	
Ô số 28	- Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan: Được hệ thống tự động đưa ra khi công chức tiếp nhận, đăng ký tờ khai cập nhật đầy đủ các thông tin về lô hàng vào hệ thống. - Trường hợp thủ tục hải quan được thực hiện thủ công thì công chức tiếp nhận ghi lại kết quả từ hệ thống lên tờ khai hàng hóa xuất khẩu.
Ô số 29	Ghi chép khác: Dành cho công chức hải quan ở các khâu nghiệp vụ ghi chép những nội dung cần thiết mà không ghi ở nơi khác được như số biên bản, số quyết định xử phạt, xử lý ….
Ô số 30	Xác nhận đã thông quan: Công chức được phân công xác nhận trên hệ thống/trên tờ khai do doanh nghiệp in.
Ô số 31	Xác nhận của hải quan giám sát: Phần ghi chép của công chức hải quan giám sát hàng hóa xuất khẩu.

BỘ TÀI CHÍNH **Phụ lục III**

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC TIÊU THỨC TRÊN PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2012)

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái TK	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập khẩu.
Phần giữa tờ khai	Phụ lục số: là số thứ tự của phụ lục tờ khai đăng ký do người khai hải quan ghi.
Góc trên bên phải tờ khai	Số tờ khai: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình nhập khẩu tại từng Chi cục Hải quan do hệ thống tự động ghi. Trường hợp phải ghi bằng thủ công thì công chức Hải quan ghi đầy đủ cả số tờ khai, ký hiệu loại hình nhập khẩu, ký hiệu Chi cục Hải quan đăng ký theo trật tự: Số tờ khai/NK/loại hình/đơn vị đăng ký tờ khai. Loại hình: Người khai hải quan khai loại hình như trên tờ khai nhập khẩu.
Ô số 18	Mô tả hàng hóa: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hóa theo hợp đồng thương mại hoặc các chứng từ khác liên quan đến lô hàng.
Ô số 19	Mã số hàng hoá: Người khai hải quan ghi mã số phân loại theo Biểu thuế xuất khẩu, Nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành.
Ô số 20	Xuất xứ: Người khai hải quan ghi tên nước nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) ra (căn cứ vào giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng). Áp dụng mã nước quy định trong ISO 3166.
Ô số 21	Chế độ ưu đãi: Ghi tên mẫu C/O được cấp cho lô hàng thuộc các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.
Ô số 22	Lượng hàng: Người khai hải quan ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 23.
Ô số 23	Đơn vị tính: Người khai hải quan ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng (ví dụ: mét, kg…) theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành.
Ô số 24	Đơn giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi giá của một đơn vị hàng hóa (theo đơn vị ở ô số 23) bằng loại tiền tệ đã ghi ở mục 16, căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thương mại, hóa đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng.
Ô số 25	Trị giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng nhập khẩu, là kết quả của phép nhân (X) giữa "Lượng hàng (ô số 22) và "Đơn giá (ô số 24)".

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 26	Thuế nhập khẩu, người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đơn vị tiền Việt Nam. b. Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 19 theo Biểu thuế áp dụng (Biểu thuế ưu đãi, Biểu thuế ưu đãi đặc biệt…) có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai c. Ghi số thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng.
Ô số 27	Thuế TTĐB, người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế của thuế TTĐB là tổng của trị giá tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế TTĐB tương ứng với mã số hàng hóa được xác định mã số hàng hóa tại ô số 19 theo Biểu thuế TTĐB. c. Tiền thuế: Ghi số thuế TTĐB phải nộp của từng mặt hàng
Ô số 28	Thuế BVMT, người khai hải quan ghi: a. Số lượng chịu thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu là số lượng hàng hóa theo đơn vị quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường. b. Mức thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường. c. Tiền thuế: Ghi số tiền thuế BVMT phải nộp của từng mặt hàng
Ô số 29	Thuế GTGT, người khai hải quan ghi: a. Trị giá tính thuế của thuế GTGT là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có) cộng với thuế TTĐB (nếu có) cộng thuế BVMT (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu. b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế GTGT tương ứng với mã số hàng hóa được xác định mã số hàng hóa tại ô số 19 theo Biểu thuế GTGT. c. Tiền thuế: Ghi số thuế GTGT phải nộp của từng mặt hàng
Ô số 31	Lượng hàng, số hiệu container: Người khai hải quan khai khi vận chuyên hàng hóa nhập khẩu bằng container ghi như sau: - Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container; - Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container; - Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container tương ứng và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng.
Ô số 33	Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.

BỘ TÀI CHÍNH **Phụ lục IV**

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC TIÊU THỨC TRÊN PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2012)

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái TK	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất khẩu.
Phần giữa tờ khai	Phụ lục số: là số thứ tự của phụ lục tờ khai đăng ký do người khai hải quan ghi.
Góc trên bên phải tờ khai	Số tờ khai: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình xuất khẩu tại từng Chi cục Hải quan do hệ thống tự động ghi. Trường hợp phải ghi bằng thủ công thì công chức Hải quan ghi đầy đủ cả số tờ khai, ký hiệu loại hình xuất khẩu, ký hiệu Chi cục Hải quan đăng ký theo trật tự: Số tờ khai/XK/loại hình/đơn vị đăng ký tờ khai. Loại hình: Người khai hải quan khai loại hình như trên tờ khai xuất khẩu.
Ô số 15	Mô tả hàng hóa: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hóa theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.
Ô số 16	Mã số hàng hoá: Người khai hải quan ghi mã số phân loại theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành.
Ô số 17	Xuất xứ: Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) ra (căn cứ vào giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng). Áp dụng mã nước quy định trong ISO 3166.
Ô số 18	Lượng hàng: Người khai hải quan ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 19.
Ô số 19	Đơn vị tính: Người khai hải quan ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng (ví dụ: mét, kg…) theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành.
Ô số 20	Đơn giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi giá của một đơn vị hàng hóa bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 13, căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thương mại, hóa đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Ô số 21	Trị giá nguyên tệ: Người khai hải quan ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng xuất khẩu, là kết quả của phép nhân (X) giữa "Lượng hàng (ô số 18) và "Đơn giá (ô số 20)".
Ô số 22	Thuế xuất khẩu, người khai hải quan ghi: a) Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đơn vị tiền Việt Nam. b) Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất thuế xuất khẩu tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 16 theo Biểu thuế xuất khẩu. c) Ghi số thuế xuất khẩu phải nộp của từng mặt hàng.
Ô số 23	Thu khác, người khai hải quan ghi : - Trị giá tính thu khác: Ghi số tiền phải tính thu khác. - Tỷ lệ %: Ghi tỷ lệ các khoản thu khác theo quy định - Số tiền: Ghi số tiền phải nộp
Ô số 25	Lượng hàng, số hiệu container: Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa bằng container ghi như sau: - Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container; - Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container; - Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng; - Địa điểm đóng hàng: Ghi nơi đóng hàng hóa xuất khẩu vào container;
Ô số 27	Người khai hải quan ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.

BỘ TÀI CHÍNH **Phụ lục V**

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CÁC TIÊU THỨC TRÊN PHIẾU GHI KẾT QUẢ KIỂM TRA DÙNG CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2012)

Tiêu thức	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái Phiếu	Công chức ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập khẩu/xuất khẩu. Hình thức, mức độ kiểm tra hải quan: Căn cứ kết quả phân luồng trên hệ thống, công chức Hải quan tiếp nhận đăng ký tích vào các ô tương ứng
Phần giữa Phiếu	Số tờ khai: Công chức hải quan ghi số đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu
Góc trên bên phải Phiếu	Ngày giờ đăng ký: công chức hải quan ghi ngày giờ đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu.
PHẦN KIỂM TRA CHI TIẾT HỒ SƠ	
Ô số 1	Thời gian kiểm tra: Công chức Hải quan ghi rõ thời gian kiểm tra chi tiết hồ sơ.
Ô số 2	Công chức Hải quan kiểm tra ký xác nhận trên hệ thống (nếu khai hải quan điện tử) hoặc ký tên, đóng dấu công chức hải quan (nếu khai thủ công truyền thống).
Ô số 3	Công chức Hải quan ghi kết quả kiểm tra hồ sơ, nhập kết quả kiểm tra vào hệ thống. Trường hợp qua kết quả kiểm tra chi tiết thấy cần thiết phải thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra hải quan thì ghi ý kiến đề xuất vào ô số 4.
Ô số 4	Công chức hải quan kiểm tra chi tiết hồ sơ ghi đề xuất xử lý kết quả kiểm tra (nếu có).
Ô số 5	Lãnh đạo Chi cục ghi ý kiến chỉ đạo (nếu có) và ký xác nhận trên hệ thống (nếu khai hải quan điện tử) hoặc ký tên, đóng dấu công chức (nếu khai thủ công truyền thống)

PHẦN KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA		
	A. KIỂM TRA QUA MÁY SOI/CÂN/THIẾT BỊ KHÁC	**B. KIỂM TRA THỦ CÔNG**
Ô số 1	Thời gian kiểm tra: Công chức Hải quan ghi rõ thời gian kiểm tra.	Thời gian kiểm tra: Công chức Hải quan ghi rõ thời gian kiểm tra.
Ô số 2	Công chức Hải quan ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa và nhập kết quả kiểm tra vào hệ thống.	Công chức Hải quan ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa và nhập kết quả kiểm tra vào hệ thống.
Ô số 3	Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa (qua máy soi/cân/thiết bị khác) đề xuất xử lý kết quả kiểm tra.	Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa đề xuất xử lý kết quả kiểm tra.
Ô số 4	Công chức Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa (qua máy soi/cân/thiết bị khác) ký tên, đóng dấu công chức	Công chức Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa ký tên, đóng dấu công chức
Ô số 5	Lãnh đạo Chi cục ghi ý kiến chỉ đạo (nếu có) và ký tên, đóng dấu công chức.	Lãnh đạo Chi cục ghi ý kiến chỉ đạo (nếu có) và ký tên, đóng dấu công chức.